

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Số: .06/2014/QĐ-KTNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về mẫu thẻ và việc quản lý, sử dụng
thẻ Kiểm toán viên nhà nước

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 916/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 15/9/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Kiểm toán nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 1002/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 03/03/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và tiêu chuẩn cụ thể của từng ngạch Kiểm toán viên nhà nước;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mẫu thẻ và việc quản lý, sử dụng thẻ Kiểm toán viên nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015. Quyết định này thay thế Quyết định số 189/2007/QĐ-KTNN ngày 07 tháng 3 năm 2007 của Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành quy định cấp thẻ Kiểm toán viên nhà nước, chế độ sử dụng thẻ và mẫu thẻ Kiểm toán viên nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức của Kiểm toán nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY ĐỊNH

Về mẫu thẻ và việc quản lý, sử dụng thẻ Kiểm toán viên nhà nước

(Ban hành kèm theo Quyết định số 06 /2014/QĐ-KTNN

ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Tổng Kiểm toán nhà nước)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về mẫu thẻ Kiểm toán viên nhà nước; việc cấp mới, đổi, cấp lại, thu hồi, tạm đình chỉ, quản lý và sử dụng thẻ Kiểm toán viên nhà nước (sau đây gọi tắt là thẻ) của Kiểm toán nhà nước và Kiểm toán viên nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với Kiểm toán viên nhà nước được cấp thẻ Kiểm toán viên nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc chung

- Thẻ Kiểm toán viên nhà nước do Tổng Kiểm toán nhà nước cấp cho Kiểm toán viên nhà nước để sử dụng khi thực hiện nhiệm vụ kiểm toán.
- Thẻ Kiểm toán viên nhà nước xác định tư cách pháp lý để Kiểm toán viên nhà nước sử dụng khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.
- Đối tượng được cấp thẻ Kiểm toán viên nhà nước là công chức được bổ nhiệm vào ngạch Kiểm toán viên nhà nước để thực hiện nhiệm vụ kiểm toán; mỗi ngạch Kiểm toán viên nhà nước được cấp một thẻ tương ứng: thẻ Kiểm toán viên dự bị, thẻ Kiểm toán viên, thẻ Kiểm toán viên chính và thẻ Kiểm toán viên cao cấp.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Thẻ Kiểm toán viên nhà nước

1. Thẻ hình chữ nhật, rộng 54 mm, dài 86 mm, gồm phôi thẻ và màng bảo vệ. Nội dung trên Thẻ được trình bày theo phong chữ của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ Việt Unicode) theo tiêu chuẩn TCVN 6909:2001 và được sản xuất bằng chất liệu nhựa, ngoài cùng của hai mặt có phủ lớp màng nhựa mỏng trong suốt.

2. Thẻ gồm 2 mặt theo mẫu (Phụ lục 01):

a) Mặt trước nền màu đỏ, chữ in hoa màu vàng, gồm 02 dòng:

- Dòng trên ghi **“CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM”**, kiểu chữ đậm, cỡ chữ 09;

- Dòng dưới ghi **“THẺ KIỂM TOÁN VIÊN NHÀ NƯỚC”**, kiểu chữ đậm, cỡ chữ 16;

- Giữa hai dòng là Quốc huy, đường kính 24 mm.

b) Mặt sau: Thẻ được in màu; nền là hoa văn màu xanh nhạt tạo thành các tia sáng lan tỏa từ tâm ra xung quanh; ở giữa có biểu tượng ngành Kiểm toán Nhà nước, in bóng mờ, đường kính 20mm. Bao gồm các thông tin:

- Bên phải:

+ Quốc hiệu: dòng trên chữ in hoa, đậm, dòng dưới chữ in thường, đậm, cỡ chữ 8, gạch chân dòng thứ hai;

+ Thẻ Kiểm toán viên nhà nước: Chữ in hoa đậm màu đỏ, cỡ chữ 12;

+ Số (Mã số thẻ Kiểm toán viên nhà nước);

+ Họ và tên: Ghi họ tên Kiểm toán viên nhà nước được cấp thẻ, chữ in thường, cỡ chữ 10;

+ Ghi ngạch Kiểm toán viên Nhà nước mới bổ nhiệm, chữ in thường, cỡ chữ 10;

+ Hà Nội, ngày, tháng, năm cấp thẻ, chữ in nghiêng, cỡ chữ 10;

+ Tổng Kiểm toán nhà nước, chữ in hoa, cỡ chữ 8;

+ Chữ ký và họ tên của Tổng Kiểm toán nhà nước;

+ Dấu cơ quan Kiểm toán nhà nước (đường kính 18mm).

- Bên trái:

+ Biểu tượng ngành Kiểm toán nhà nước đường kính 14 mm;

+ Ảnh chân dung của người được cấp thẻ, khổ 22mm x 28mm;

- Vạch kẻ chéo: Từ góc trên bên trái đến góc dưới bên phải là gạch chéo màu đỏ rộng 05 mm, tương ứng đối với từng ngạch như sau:

+ Kiểm toán viên cao cấp: 03 vạch;

+ Kiểm toán viên chính: 02 vạch;

+ Kiểm toán viên: 01 vạch;

+ Kiểm toán viên dự bị: 0 vạch.

3. Mã số thẻ Kiểm toán viên nhà nước

a) Mỗi công chức Kiểm toán nhà nước được cấp một mã số thẻ Kiểm toán viên nhà nước (gọi tắt là mã số thẻ). Mã số thẻ gồm hai phần:

- Phần thứ nhất là phần chữ cái in hoa: A, B, C, D tương ứng với 04 ngạch Kiểm toán viên nhà nước, gồm: Kiểm toán viên cao cấp, Kiểm toán viên chính, Kiểm toán viên và Kiểm toán viên dự bị;

- Phần thứ hai là phần số: Bao gồm 04 chữ số bắt đầu từ 0.001 thể hiện số thứ tự Kiểm toán viên nhà nước tương ứng với từng ngạch Kiểm toán viên nhà nước;

b) Mã số thẻ thay đổi trong trường hợp được bổ nhiệm vào ngạch Kiểm toán viên nhà nước cao hơn.

Điều 5. Thẩm quyền, tiêu chuẩn, hình thức cấp thẻ

1. Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định việc cấp mới, đổi, cấp lại, thu hồi thẻ và tạm đình chỉ sử dụng thẻ Kiểm toán viên nhà nước.

2. Tiêu chuẩn cấp thẻ

Thẻ Kiểm toán viên nhà nước được cấp cho Kiểm toán viên nhà nước được bổ nhiệm vào một trong bốn ngạch Kiểm toán viên nhà nước được quy định tại Nghị quyết số 1002/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và tiêu chuẩn cụ thể của từng ngạch Kiểm toán viên nhà nước.

3. Các hình thức cấp thẻ gồm:

a) Cấp mới thẻ Kiểm toán viên nhà nước;

b) Đổi thẻ Kiểm toán viên nhà nước;

c) Cấp lại thẻ Kiểm toán viên nhà nước.

Điều 6. Các trường hợp không được xem xét đề nghị cấp mới, đổi, cấp lại thẻ